

KHÔNG GIAN VĂN HÓA CÔNG CHIÊNG GIA LAI TRONG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA

NGUYỄN THỊ KIM VÂN*

TÓM TẮT

Ngoài giá trị vật chất, với chức năng là một vật thiêng - công cụ giao tiếp giữa con người và thần linh, công chiêng tồn tại trong một không gian văn hóa cụ thể. Không gian văn hóa ấy bao hàm nhiều thành tố, trong đó có môi trường văn hóa, môi trường tín ngưỡng, không gian sinh tồn, môi trường dân trí và lòng tự tôn dân tộc. Đây là điểm cần được đặc biệt chú trọng khi tiến hành các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản Không gian văn hóa công chiêng Gia Lai nói riêng và Tây Nguyên nói chung.

Từ khóa: công chiêng; Gia Lai; Tây Nguyên; Không gian văn hóa công chiêng Gia Lai; Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên.

ABSTRACT

Besides material value, as a sacred object to communicate between human and gods, gong exists in a certain cultural space. This cultural space includes many elements such as cultural, belief environment, livelihood space, intellectual level, and ethnic pride. They should be paid attention to when we implement the safeguarding and promotion the activities of the space of gong culture in the Central Highland generally and Gia Lai province particularly.

Key words: Gong; Gia Lai province; Central Highland; the space of gong culture in Gia Lai province; the space of gong culture in Central Highland.

Đối với cư dân Tây Nguyên nói chung, Gia Lai nói riêng, công chiêng không tồn tại như một nhạc cụ giải trí đơn thuần. Trong bài viết này, chúng tôi không xem xét công chiêng dưới góc độ một nhạc khí mà nhìn nhận nó dưới góc độ văn hóa, với chức năng là một “linh khí” với môi trường cần và đủ để “linh khí” đó tồn tại cùng những chuyển biến của nó trong quá trình đô thị hóa.

1. Công chiêng trong đời sống của các tộc người thiểu số ở Gia Lai

1.1. Giá trị tinh thần¹

Trên thực tế, công chiêng không chỉ có trong văn hóa của cư dân bản địa Tây Nguyên, ở miền Trung Việt Nam mà còn phổ biến ở nhiều vùng

trong cả nước, như Việt Bắc, Tây Bắc và cả trong một số cộng đồng người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ, Trung Bộ..., cùng nhiều quốc gia trong khu vực, như Thái Lan, Lào, Mi-an-ma, Phi-lip-pin, In-donexia... nhưng cho đến đầu thế kỷ XXI, thì không phải ở đâu công chiêng cũng có vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của con người như với cư dân bản địa Tây Nguyên nói chung, người Bahnar và Jrai nói riêng. Sự phổ biến của công chiêng trong tất cả các tộc người ở Tây Nguyên cho thấy, công chiêng là một phần không thể thiếu trong cuộc sống của đồng bào. Công chiêng có mặt trong hầu hết các nghi lễ của cá nhân, của từng gia đình, cộng đồng và cả trong những lễ hội suốt một mùa trồng tía của cư dân nông nghiệp. Ở vùng Ayun Pa, Yang Pota Apui (thường được dịch là vua Lửa) đã tồn tại hơn nửa thiên niên kỷ với khả năng

* Giám đốc Bảo tàng Gia Lai

có thể "gọi mưa, trừ hạn" trong niềm tin của một bộ phận người Jrai, Bahnar, Ê Đê cũng sử dụng công chiêng như một phương tiện để giao tiếp với thần linh, đặc biệt là lễ cầu mưa.

Đối với các tộc người thiểu số ở Gia Lai, công chiêng trong lễ/lễ hội có vai trò gần như là khói nhang trong lễ/lễ hội của người Việt. Âm thanh công chiêng lan tỏa chính là phương tiện giúp con người giao tiếp với thần linh, đồng thời là phương tiện nhanh nhất để chuyển tải thông tin giữa các buôn làng. Chỉ cần nghe tiếng chiêng, những người trong làng, trong vùng sẽ hiểu rằng, nơi có tiếng chiêng đang diễn ra điều gì để chuẩn bị đến chia buồn hoặc chung vui.

Đối với người Jrai, khi nghe bài Trong hor (Chơkar trong hor) được đánh bằng chiêng Aráp, với âm điệu buồn, mọi người đều biết nơi có tiếng chiêng vừa có người từ già cõi đời; nghe bài Chok kơ mơnuih djai được đánh bằng chiêng Aráp, có âm điệu buồn là biết người chết chuẩn bị được đưa từ nhà sàn xuống đất để khiêng ra khu nhà mồ; bài Chok kơ arăng được đánh bằng chiêng Aráp là bài tiễn đưa người chết, nghe bài này đồng bào biết người chết đang trên đường được đưa đến khu nhà mồ, lần thứ 2 đánh bài chiêng này cho biết việc chôn cất đã xong; bài Anong thuach với âm tiết vui tươi, đánh bằng chiêng Aráp chỉ có trong lễ bỏ mả; bài Lâu tui dra jú chỉ đánh khi bỏ mả, với âm điệu vui, thay lời mời gọi thanh niên, người già đến mừng người chết được về đoàn tụ với ông bà ở "làng Atâu"; còn bài Kơ dja được đánh bằng chiêng Tơnăh thì cho biết, phía có tiếng chiêng đang có lễ hội vui...

Để một bộ công chiêng trở thành "linh khí" phải trải qua nhiều công đoạn: khi thợ đúc đồng người Việt làm ra những chiếc công chiêng thì mới hình thành được "phần xác" của công chiêng, mới tạo ra những "lá đồng" đơn thuần có hình dáng công chiêng - có thể coi đây chỉ là bước làm xong ngôi nhà cho thần chiêng trú ngụ. Việc mang lại "phần hồn" cho công chiêng thì phải do chính các tộc người sử dụng công chiêng thực hiện. Sau khi mua công chiêng của người Việt về, những thợ chĩnh chiêng chuyên nghiệp của từng tộc người sẽ gò chĩnh lại để từng chiếc công chiêng có được âm thanh theo yêu cầu thang âm trong biên chế của mỗi bộ chiêng. Công việc chĩnh sửa công chiêng (đồng bào quen gọi là "lên dây chiêng", "ủ chiêng") nhằm mang lại những âm thanh "chuẩn" cho các

bộ chiêng hiện rất ít người làm được. Người Tây Nguyên tin rằng, chỉ có những người được "Yàng (thần) cho âm thanh" của công chiêng mới làm được nghề này và thường là "cha truyền con nối". Mỗi khi bắt tay vào gò chĩnh một bộ công chiêng, người thợ thường thực hiện một nghi lễ cúng Yang và mong Yang cho họ những âm thanh cần thiết.

Hoàn thành việc đem lại thang âm "chuẩn" cho bộ chiêng, chủ nhân của nó phải thực hiện một lễ hiến sinh để gọi hồn chiêng vào trong những lá chiêng. Từ đây, công chiêng mới trở thành một "linh khí" thật sự. Đồng bào tin rằng, vật hiến sinh càng lớn (bò, trâu) thì thần chiêng càng linh thiêng, khả năng giao tiếp với thế giới thần linh càng cao. Tuy nhiên, đồng bào cũng tin rằng, không phải ai có công chiêng cũng được thần linh phù hộ như nhau mà còn tùy thuộc vào việc thần chiêng có hợp với gia chủ hay không; hồn của gia chủ có đủ mạnh để chế ngự, thậm chí điều khiển được thần chiêng hay không. Đó cũng là lý do có gia đình phải bán đi những bộ chiêng rất quý với giá rẻ.

Thông thường, mỗi bộ công chiêng của người Tây Nguyên có 2 phần: phần tiết tấu gồm những chiếc công (có núm); phần giai điệu gồm những chiếc chiêng (không có núm). Ngoài ra, biên chế đủ để thể hiện âm nhạc công chiêng còn có lục lạc, chũm chọe, đôi khi có thêm cả trống. Một số tộc người ở Tây Nguyên còn biên chế các loại công chiêng thành những bộ có tên gọi riêng để phục vụ cho những công việc, những lễ hội cụ thể. Người Jrai ở khu vực Ayun Pa, Krông Pa (Gia Lai) thường sử dụng mỗi loại chiêng vào những nghi lễ có cùng tính chất (sẽ trình bày ở phần sau).

Với chức năng một "linh khí", công chiêng cần có môi trường văn hóa để tồn tại. Môi trường văn hóa ấy bao gồm cả môi trường tín ngưỡng; không gian sinh tồn; môi trường dân trí... và lòng tự tôn dân tộc. Chỉ có niềm tin mới làm cho người ta thật sự trân trọng những phương tiện giúp chuyển tải ý nguyện của con người đến thần linh. Mặt khác, việc giao tiếp với thần linh cũng cần có một không gian phù hợp. Đồng bào không thể cúng Yang và đánh chiêng giữa dòng xe cộ tấp nập, ồn ào; lễ bỏ mả sẽ kém phần linh thiêng nếu nghĩa địa của làng không đủ thanh tịnh, thâm u; cư dân trong vùng ảnh hưởng của Potao Apui đã không còn làm lễ cầu mưa vì một năm người Jrai ở Ayun Pa có thể làm 3 vụ lúa do có nước tưới từ công trình thủy lợi Ayun Hạ... Và, đồng bào Tây Nguyên cũng không

thể hết lòng với công chiêng nói riêng, di sản văn hóa cổ truyền của dân tộc nói chung nếu lòng tự hào dân tộc không được tiếp tục khơi nguồn...

1.2. Giá trị vật chất

Khi nhắc đến những tài sản quý của cư dân bản địa Tây Nguyên, trong đó có đồng bào Bahnar và Jrai ở tỉnh Gia Lai, người ta không thể không kể đến công chiêng như một niềm tự hào của gia chủ. Đó là niềm tự hào của những người được coi là giàu có trong một xã hội mà đồng tiền chưa phải là thứ có sức mạnh tối thượng.

Có lẽ, từ giá trị tinh thần của công chiêng cùng với sự khan hiếm của nó do cư dân bản địa Tây Nguyên chưa có kỹ thuật đúc/gò đồng ở trình độ cao mà từ xa xưa, người Tây Nguyên đã coi công chiêng là một trong những tài sản có giá trị vật chất to lớn. Số lượng công chiêng cùng với giá trị của từng loại công chiêng chính là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá sự giàu có và quyền lực của chủ nhân trong hầu hết các tộc người Tây Nguyên. Những ghi chép của người Pháp ngay từ những ngày đầu họ có mặt ở miền Trung Việt Nam và Tây Nguyên đã chứng tỏ điều này. H. Maitre viết: "các sản vật trao đổi chính là những chiếc công nổi tiếng của Trung Quốc và Bắc kỳ. Công Trung Quốc to phẳng - tiếng Radê (Ê đê - NTKV) gọi là knah - giá khoảng 25 đồng piastre một chiếc². Công Bắc kỳ phình ở giữa, bán thành từng bộ 3 chiếc: một to, một nhỏ, một nhỏ. Giá của một bộ công này ngang với một chiếc công Trung Quốc lớn. Công Bắc kỳ được đúc tại Hà Nội và Nam Định. Những người trưng thuế An Nam mang công đổi lấy gà voi, ngựa và đôi khi cả voi. Một chiếc Knah có thể đổi được 1 kg kỳ nam, hoặc một sừng tê giác, hoặc từ 10 tới 14 kg gà voi, hoặc 1 con ngựa tốt hoặc 2 con ngựa thường"³. Cũng tư liệu từ nguồn này cho biết: Tại Bình Định, An Sơn⁴ là một trung tâm buôn bán lớn. Đây là điểm cuối cùng hàng hóa từ cao nguyên đổ về. "Nhưng luật An Nam trừng trị nghiêm khắc những người An Nam ở lại trên đất của người Thượng và những ai đi quá An Sơn để vào Trung kỳ. Sự thực là những người An Nam đã thiết lập được một sự giao thương đáng kể với người Thượng nhưng không một ai dám nghĩ tới việc ở hẳn lại. Về phần mình, những người Thượng cũng xuống tới tận An Sơn để mua bán nhưng không bao giờ vượt quá điểm giới hạn đó". "Năm 1840, các quan An Nam trao cho thủ lĩnh Bahnar có ảnh hưởng tên là Kiêm một

bản sắc phong, theo đó, nhà vua của triều đình Huế công nhận ông ta là thủ lĩnh của những người Thượng và thay mặt mình ở vùng Thượng. Vị thủ lĩnh đáng sợ và trung thành với người An Nam này đã tiến hành những cuộc trao đổi, buôn bán quan trọng với người An Nam và làm cho đường vào Hinterland trở nên dễ dàng"⁵.

Chúng ta cũng có thể tham khảo để so sánh tương quan về giá giữa công chiêng với những tài sản quý giá khác ở khu vực Bắc Tây Nguyên để thấy rõ hơn giá trị của công chiêng ở thời điểm những năm 30 của thế kỷ XX qua ghi chép của các quan lại người Việt⁶: Để có được một bộ công chiêng theo yêu cầu sử dụng thông thường của người Tây Nguyên, với 11 chiếc, loại một thước tám, đồng bào phải mua với giá 55 đồng, tương đương với 7 con trâu loại trung bình (sừng 1 gang), 11 con trâu loại nhỏ (sừng mới mọc), trong khi đó, giá một chiếc vòng đồng loại 1 sải, thương lái cũng chỉ bán được cho người Thượng với giá 0,40 đồng; giá một chuỗi hạt cườm to (chuỗi 50 hạt), thương lái cũng chỉ bán được 0,50 đồng; giá một chuỗi hạt cườm nhỏ (chuỗi vừa lọt đầu) đồng bào cũng chỉ mua với giá 0,02 đồng.

Như vậy, cho đến cuối thập niên 30 của thế kỷ XX, công chiêng vẫn là loại hàng hóa có giá trị nhất trong những mặt hàng mà thương lái người Kinh bán cho đồng bào các tộc người thiểu số Tây Nguyên. Chính vì giá trị và giá cả của nó nên chắc chắn không phải bất kỳ gia đình Jrai, Bahnar nào cũng mua được công chiêng, mà chỉ những người giàu có mới có thể mua được loại tài sản này. Và, như thế, việc có nhiều công chiêng, nhất là những bộ công chiêng đắt tiền còn chứng tỏ cả quyền lực của các chủ nhân.

Hiện nay, người Tây Nguyên sử dụng phổ biến các loại công chiêng có nguồn gốc khác nhau: chiêng Lào, chiêng Yoăn (của người Kinh làm), chiêng Kur đưa từ Campuchia sang. Từ sau ngày giải phóng, công chiêng của người Mường vùng Thanh Hóa cũng là một loại được người Bahnar và Jrai ưa thích. Theo nghệ nhân chỉnh sửa công chiêng Nay Phai (ở huyện Krông Pa), ngoài những loại công chiêng trên, còn có một loại công chiêng quý của người Jrai mà ông gọi là chiêng "Nga" và giải thích là nó có nguồn gốc từ nước Nga. Chúng tôi đang đặt câu hỏi, phải chăng, đây là những chiếc công chiêng có nguồn gốc từ Trung Quốc mà H. Maitre đã nhắc. Trong số những

loại công chiêng trên, loại đến nay vẫn có giá trị cao nhất trong trao đổi, mua bán là chiêng Lào với các tên như Pát, Pơxơ... Trên thực tế, rất hiếm gặp một bộ công chiêng mà tất cả các chiếc trong bộ đó là chiêng Lào.

Ngày nay, cùng với việc hàng hóa ngày càng phong phú, việc giao thương nội hạt và giao thương với bên ngoài ngày càng dễ dàng, việc đưa công chiêng vào Tây Nguyên không còn quá khó khăn, việc sử dụng tiền các loại ngày càng phổ biến nên công chiêng không còn được dùng trong trao đổi như những vật ngang giá..., cùng với đó, điều kiện kinh tế - xã hội trong khu vực đồng bào Bahnar, Jrai đã có nhiều thay đổi, nhất là thay đổi trong cơ cấu cây trồng..., làm cho vai trò của công chiêng trong đời sống của cư dân Bahnar, Jrai ngày càng suy giảm. Giá trị tinh thần, vật chất của công chiêng không còn được như xưa. Tuy nhiên, đối với lớp người cao niên thì công chiêng vẫn là những vật linh thiêng, là nguồn tài sản không thể thay thế, có lẽ, đó cũng là lý do cho đến tận hôm nay, vẫn còn có nhiều gia đình Bahnar, Jrai lưu giữ trong nhà trên 5 bộ công chiêng.

2. Không gian văn hóa công chiêng - những thăng trầm trong quá trình đô thị hóa

2.1. *Nguy cơ mai một của không gian văn hóa công chiêng trước thời điểm di sản văn hóa phi vật thể này được UNESCO ghi danh*

Những người quan tâm đến văn hóa công chiêng, âm nhạc công chiêng Tây Nguyên đều dễ dàng nhận thấy nguy cơ mai một qua sự suy giảm nhanh chóng về số lượng công chiêng ở các tỉnh Tây Nguyên. Ở thời điểm năm 1980, tỉnh Gia Lai - Kon Tum có hàng chục ngàn bộ công chiêng, con số công chiêng của mỗi làng đến hàng chục bộ, không ít gia đình giàu có cất giữ trong nhà trên dưới 10 bộ công chiêng. Nhưng, đến năm 2004, số lượng công chiêng của tỉnh Gia Lai chỉ còn 5.117 bộ; tỉnh Lâm Đồng cũng chỉ còn 3.113 bộ. Ở Đak Lăk, trong vòng 10 năm, từ 1982 - 1992 mất đi 5.325 bộ công chiêng và 10 năm tiếp đó, từ năm 1993 - 2003, tỉnh này tiếp tục bị mất 850 bộ⁷. Trong những thập niên ấy, "chảy máu công chiêng" trở thành cụm từ phổ biến nhất khi người ta bàn về công chiêng Tây Nguyên.

Sự suy giảm về số lượng công chiêng cũng đồng nghĩa với những sinh hoạt cộng đồng, gia đình gắn với công chiêng dần thưa vắng. Hay nói một cách chính xác hơn, những nghi lễ truyền

thống của gia đình, cộng đồng vắng dần làm cho người ta không còn cần đến công chiêng - "linh khí" quan trọng trong những cuộc "giao tiếp" giữa con người với các thần linh. Trên các buôn làng cao nguyên, mùa lễ hội tháng ba đường như cũng "nhạt" đi khi cây cao su, cà phê ngày càng lấn át không gian của Yang Hri - Thần lúa; những chiếc giếng khoan thay dần những giọt nước tưởng sẽ trường tồn với các buôn làng...

Công chiêng mất đi, những bài chiêng cổ cũng "theo" người già sang "thế giới ông - bà", thang âm của những dàn chiêng cổ cứ thế đi dần vào quên lãng. Từ một vài bộ công chiêng được chỉnh sửa để có thang âm của âm nhạc phương Tây, treo lên thành giàn, cho một người biểu diễn như những nhạc cụ gõ thông thường, phong trào cải tiến công chiêng lan dần khắp các cao nguyên của người Jrai, Bahnar, Xơ Đăng, Ê Đê, Mơ Nông... trong suốt thập niên 90 của thế kỷ XX. Đây cũng là khoảng thời gian công chiêng chỉ còn là tiệc nuôi của những người già. Có lần ghé thăm một gia đình người Jrai ở buôn Ama Djơng, thị xã Ayun Pa, thấy trong nhà chỉ còn duy nhất một chiếc Sa lớn trong bộ chiêng Kơđơ - một loại công chiêng vốn rất quý của tộc người này, tôi hỏi cụ bà chủ nhà về những chiếc còn lại, cụ buồn rầu trả lời: "con mình bán hết rồi, mình phải giữ lại một chiếc để khi chết đi thì úp vào ngực". Đối với đám thanh niên, khi nói chuyện đánh công chiêng, họ nghiêng nhiên coi đó là việc của những người già, của lớp người "lạc hậu".

2.2. *Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên hồi sinh nhưng có nhiều chuyển biến cả về hình thức và nội dung*

Trong cuộc trò chuyện với giáo sư William Logan (Bill) - người thường cộng tác với văn phòng UNESCO Việt Nam - khi ông vừa từ Úc sang để lấy tư liệu viết cuốn sách "*Việt Nam: Di sản của một quốc gia*" (*Vietnam: Heritage of a Nation*) và ghé Pleiku vào ngày 6/10/2010, khi nói về thực trạng của Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên, tôi cho ông biết, di sản văn hóa này "đang hồi sinh". Nay đi đến buôn làng nào ở Gia Lai, nếu yêu cầu được xem trình diễn công chiêng, ông cũng sẽ được đáp ứng; công chiêng hiện không chỉ thân thuộc với người già, mà nhiều thanh, thiếu niên Jrai, Bahnar cũng rất hứng thú với di sản văn hóa này; trong những năm qua, số lượng công chiêng ở Gia Lai đã tăng từ con số 5.117 bộ năm 2004 lên 5.655 bộ vào đợt

kiếm kê năm 2008. Ở một xã của huyện La Grai đã có hơn 500 bộ cổng chiêng, có gia đình ở xã La O (huyện này) đang lưu giữ 9 bộ chiêng quý... Ông có vẻ ngạc nhiên và quan tâm đến những nguyên nhân, giải pháp làm nên điều kỳ diệu ấy trong câu chuyện của tôi:

Một là: việc Không gian văn hóa cổng chiêng Tây Nguyên được UNSECO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, làm cho các chủ nhân của di sản thêm tự hào về giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình nói chung, văn hóa cổng chiêng nói riêng và ngày càng trân trọng, quan tâm bồi đắp, làm giàu thêm cho di sản.

Từ khi người Pháp có mặt ở Tây Nguyên, các tộc người trên vùng đất này thường bị coi là lạc hậu. Dưới thời Ngô Đình Diệm, cùng với chính sách "đồng hóa" người Thượng do chính quyền trung ương đặt ra, các địa phương còn đặt thêm những quy định riêng: Tỉnh trưởng Đắk Lắk bắt buộc những người Ê Đê muốn vào thành phố Buôn Ma Thuột phải mặc quần dài và áo sơ-mi; ở Pleiku, người Jrai không được làm nhà sàn mà phải làm nhà trệt như người Việt⁸; những năm đầu giải phóng, đã có lúc, có nơi cuộc vận động đồng bào "xóa khổ"... được triển khai. Những việc làm trên, cùng những điều mắt thấy, tai nghe, đã làm cho đồng bào các tộc người Tây Nguyên bị ám ảnh rằng, phong tục, tập quán nói riêng, văn hóa cổ truyền nói chung của tộc người mình là lạc hậu. Tư tưởng này làm cho giới trẻ chỉ quan tâm đến việc học theo, bắt chước những gì mà họ cho là thuộc về một xã hội văn minh.

Sau khi Không gian văn hóa cổng chiêng Tây Nguyên được UNESCO công nhận, các phương tiện thông tin đại chúng đã dành nhiều thời lượng tuyên truyền cho di sản, giới thiệu những cái hay, cái đẹp, cái độc đáo trong di sản văn hóa thế giới này, làm cho người Tây Nguyên, đặc biệt là lớp trẻ biết yêu và ngày càng trân trọng vốn văn hóa truyền thống tốt đẹp của tộc người mình. Từ đây, số người trẻ tham gia vào các đội cổng chiêng ngày càng nhiều. Ngày nay, hình ảnh những đội cổng chiêng thiếu nhi, hay những bé trai từ 7 - 10 tuổi say sưa trình diễn trong các chương trình cổng chiêng không còn hiếm. Văn hóa cổng chiêng đã thật sự kết nối được các thế hệ, các cộng đồng dân cư, các dân tộc và là tiếng nói chung của nhiều quốc gia...

Hai là: việc các địa phương quan tâm tạo điều kiện, hỗ trợ cho đồng bào tổ chức các lễ hội có sử

dụng công chiêng đã làm cho không gian văn hóa cổng chiêng được phục hồi nhanh tại cộng đồng.

Sau nhiều năm, do ranh giới giữa văn hóa truyền thống và mê tín dị đoan chưa được phân định rõ ràng, nhiều lễ hội cổ truyền chưa được quan tâm đúng mức. Những năm gần đây, chính quyền các cấp đã động viên các cộng đồng tổ chức lễ hội truyền thống tại các buôn làng. Nhiều địa phương, chính quyền còn hỗ trợ một phần kinh phí cho đồng bào khôi phục những lễ hội cổ truyền có sử dụng công chiêng: ở Đắk Lắk, một số huyện đã hỗ trợ một phần kinh phí cho chủ các bến nước một số buôn Ê Đê mua sắm đầy đủ lễ vật làm lễ cúng bến nước; ở Gia Lai, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với Vụ Văn hóa dân tộc nghiên cứu, phục dựng thành công lễ hội Sơmăh Kơ Cham (lễ đón năm mới) của người Bahnar ở làng Tônung 1, xã Ya Ma, huyện Kông Chro. Đây là làng nằm trong vùng căn cứ cách mạng của tỉnh những năm kháng chiến chống Mỹ, điều kiện kinh tế hiện vẫn rất khó khăn. Hằng năm, bà con đều tổ chức Sơmăh kơ Cham, nhưng không thể tiến hành một lễ hội với đầy đủ lễ vật như mong muốn. Vì vậy, việc nghiên cứu, phục dựng lễ hội Sơmăh kơ Cham không chỉ giúp các nhà nghiên cứu nắm bắt được toàn bộ quy trình của lễ hội, thực hiện được bộ phim tài liệu có giá trị về một sinh hoạt văn hóa dân gian của người Bahnar, mà còn đem lại cho đồng bào một không khí lễ hội tưng bừng, làm cho người dân đặc biệt phấn khởi, háo hức đón nhận và tham gia vào lễ hội. Năm 2009, sau khi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Gia Lai phục dựng thành công nghi lễ cầu mưa của Yang Pơtao Apui (thần vua Lửa) thì nghi lễ này cũng được nhiều làng ở các huyện thuộc thung lũng Ayun Pa khôi phục.

Ba là: việc tổ chức các cuộc giao lưu, gặp gỡ, liên hoan... và đưa các đoàn cổng chiêng Tây Nguyên tham gia các chương trình giao lưu văn hóa ở nước ngoài đã tạo cơ hội cho đồng bào được giới thiệu cái hay, cái đẹp của dân tộc mình với các cộng đồng dân cư khác, đồng thời cũng hiểu thêm về văn hóa cổng chiêng của các dân tộc, quốc gia khác để làm giàu thêm vốn văn hóa của dân tộc mình. Đây cũng là một nhu cầu, một yếu tố kích thích để không gian văn hóa cổng chiêng nhanh chóng phục hồi.

Ngày 28/3/2006, tức 4 tháng sau khi di sản được UNESCO ghi danh, tại sân vận động thành

phố Pleiku, cuộc hội ngộ đầu tiên của 11 tộc người là chủ nhân của Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên đã diễn ra tung bừng, hứng khởi trong lễ đón nhận bằng công nhận của UNESCO do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng 5 tỉnh Tây Nguyên tổ chức. Một năm sau đó, năm 2007, tại công viên Diên Hồng thành phố Pleiku, Viện Văn hóa - Nghệ thuật cùng các tỉnh Tây Nguyên đã tổ chức thành công "Gặp gỡ các nghệ nhân chinh chiêng". Đây là cuộc "kiểm kê" bước đầu về lực lượng quan trọng nhất trong các nghệ nhân của loại hình văn hóa công chiêng. Cuộc "gặp gỡ" này đã giúp các nhà quản lý nắm được số lượng, kỹ năng của những nghệ nhân công chiêng tài giỏi nhất, nhằm hoạch định một chương trình hành động quan trọng và thiết thực trong các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị của Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên. Đến Festival Công chiêng Quốc tế năm 2009 tại Gia Lai, sự hiện diện của hơn 60 đoàn công chiêng (thuộc 22 tộc người có công chiêng trong nước, 5 quốc gia có công chiêng trong khu vực) với nhiều hoạt động trình diễn... thật sự là một cuộc biểu dương lực lượng văn hóa công chiêng, âm nhạc công chiêng chưa từng có, đáp ứng nhu cầu được giao lưu, được giới thiệu cái hay, cái đẹp trong văn hóa công chiêng của tộc người mình với những tộc người khác. Ở các địa phương, những cuộc liên hoan công chiêng từ cấp xã, đến huyện, tỉnh cũng được tổ chức thường xuyên, khuyến khích đồng bào tham gia ngày càng tích cực vào các sinh hoạt văn hóa gắn với công chiêng.

Các đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng quan tâm đến việc tổ chức cho các đoàn công chiêng của các tộc người Tây Nguyên tham gia vào các chương trình hoạt động văn hóa - nghệ thuật của các quốc gia trên thế giới. Một số đoàn công chiêng của các tộc người Tây Nguyên đã được tham gia vào các hoạt động trình diễn tại Mỹ, Italia, Hàn Quốc... và để lại ấn tượng tốt đẹp trong cộng đồng quốc tế, góp phần làm nên thành công của kênh ngoại giao văn hóa những năm qua.

Ngoài ra, nhiều hoạt động trong khuôn khổ các chương trình nhằm bảo tồn và phát huy di sản văn hóa công chiêng cũng đã được tổ chức tại các tỉnh, như trang bị công chiêng cho các cộng đồng không còn công chiêng; đưa công chiêng vào truyền dạy trong các trường dân tộc nội trú; mở lớp truyền dạy chinh chiêng để nhân rộng lực

lượng này..., tạo điều kiện cho công chiêng được hồi sinh.

Như vậy, với chức năng là một "linh khí", công chiêng cần có môi trường văn hóa để tồn tại. Môi trường văn hóa ấy bao gồm cả môi trường tín ngưỡng; môi trường thiên nhiên; môi trường dân trí... và lòng tự tôn dân tộc. Chỉ có niềm tin mới làm cho cộng đồng thật sự trân trọng "linh khí" - phương tiện chuyển tải ý nguyện của con người đến thần linh... Cùng với quá trình đô thị hóa, điều kiện kinh tế và trình độ dân trí trong vùng đồng bào các tộc thiểu số ngày càng được nâng lên, việc duy trì môi trường văn hóa truyền thống cho công chiêng ở Tây Nguyên nói chung, Gia Lai nói riêng cần được xác định là một trong những nhân tố quan trọng trong công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc này./.

N.T.K.V

Chú thích:

- 1- Nguyễn Thị Kim Vân, *Đến với lịch sử văn hóa Bắc Tây Nguyên*, Nxb. Đà Nẵng, 2007.
- 2- H. Maitre chú thích: "đồng piastre lúc đó có giá trị cao. Lúc đó người ta chỉ dùng đồng piastre Mễ Tây Cơ (Mexico/Mehico - NTKV chú thích) có giá trị bằng 4,5 frăng".
- 3- H. Maitre (1912), *Les jungles des hauts - plateaux du Vietnam central*, Paris. Bản dịch, tr. 227 - 228.
- 4- Nay là An Khê (Gia Lai).
- 5- H. Maitre (1912), *Les jungles des hauts - plateaux du Vietnam central*, Paris. Bản dịch, tr. 236.
- 6- Nguyễn Kinh Chi - Nguyễn Đồng Chi (1937), *Mọi Kon Tum*, Huế, tr.16 .
- 7- Viện Văn hóa - Thông tin, *Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên*, Nxb. Thế giới, H, 2006, tr. 52.
- 8- Lê Đình Chi (1974), *Vấn đề đồng bào Sơn cước tại Việt Nam cộng hòa*, Luận án Tiến sĩ Luật khoa, Trường Đại học Luật khoa Sài Gòn, tr. 168 - 171.

Tài liệu tham khảo:

- 1- Lê Đình Chi (1974), *Vấn đề đồng bào Sơn cước tại Việt Nam cộng hòa*, Luận án Tiến sĩ Luật khoa, Trường Đại học Luật khoa Sài Gòn.
- 2- Nguyễn Kinh Chi - Nguyễn Đồng Chi (1937), *Mọi Kon Tum*, Huế.
- 3- H. Maitre (1912), *Les jungles des hauts - plateaux du Vietnam central*, Paris. Bản dịch: *Rừng người Thượng*, Nxb. Trí thức, 2008.
- 4- Nguyễn Thị Kim Vân, *Đến với lịch sử văn hóa Bắc Tây Nguyên*, Nxb. Đà Nẵng, 2007.
- 5- Viện Văn hóa - Thông tin, *Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên*, Nxb. Thế giới, H, 2006.

(Ngày nhận bài: 19/3/2015; Ngày phản biện đánh giá: 21/4/2015; Ngày duyệt đăng bài: 29/4/2015).